

Ngày 26/07/2018

NHÂN DANH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Thịnh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đòi đi nước ngoài làm ăn nhưng anh không đồng ý, chị L không chịu ở nhà cùng anh làm ăn, chị tự ý đi làm tự do ở nhiều nơi mà không xin ý kiến anh, dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn xung quanh việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Từ đó, nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát, cãi cọ lẫn nhau; đến tháng 5 năm 2016, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau đó, nhiều lần anh sang nói chuyện và đề nghị chị về nhà cùng anh làm ăn và nuôi con nhưng chị không đồng ý. Từ đó, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tạ Quang H, sinh ngày 13/10/1998 và Tạ Văn Q, sinh ngày 25/02/2005. Vợ chồng ly hôn, con chung Tạ Quang H đã thành niên, có cuộc sống riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh N đề nghị được nuôi con Tạ Văn Q vì hiện nay cháu đang ở cùng anh, cuộc sống được đảm bảo.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, số nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, chị L vắng mặt không có lý do.

+ Về ý kiến của con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/04/2018, cháu Tạ Văn Q đề nghị được ở với bố vì hiện nay cháu đang ở cùng bố, cũng như bố có điều kiện để nuôi dưỡng giúp cháu học hành tốt hơn.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tạ Quang N và chị Nguyễn Thị L; về con chung: Giao anh Tạ Quang N trực tiếp nuôi con chung là Tạ Văn Q, sinh ngày 25/02/2005; về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết. Ngoài ra, còn đề nghị về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do; căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay; thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Chính quyền địa phương cũng như Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa hôm nay, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn; chị L không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần xử cho anh N được ly hôn với chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tạ Quang H, sinh ngày 13/10/1998 và Tạ Văn Q, sinh ngày 25/02/2005. Vợ chồng ly hôn, con chung Tạ Quang H đã thành niên, có cuộc sống riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh N đề nghị được nuôi con Tạ Văn Q; bản thân cháu Q có nguyện vọng được ở với bố vì hiện cháu đang ở cùng bố, được chăm sóc tốt cũng như

được đảm bảo về việc học hành. Do vậy, cần giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; sau khi vợ chồng ly hôn chị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 81 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tạ Quang N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tạ Quang N và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao anh Tạ Quang N trực tiếp nuôi con chung là Tạ Văn Q, sinh ngày 25/02/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi vợ chồng ly hôn, chị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Tạ Quang N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0001644 ngày 13/04/2018 ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

